TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:114/2018/DS-PT.
Ngày: 12/6/2018.
V/v Tr/c đòi nợ do mua bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường***;

Các Thẩm phán: Bà ***Lê Thị Minh Hiếu;***

Bà ***Ngô Thị Minh Trang***.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà ***Nguyễn Thị Ngọc Mỹ*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*: Ông ***Trịnh Văn Đương*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 về "***Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi"***.

Do bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T** - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn:

1/. Ông **Nguyễn Văn K** - sinh năm 1979

2/. Bà **Nguyễn Thị Kiều D** - sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Thanh T** - sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn K.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà có bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi tại nhà dưới hình thức kinh doanh nhỏ, lẻ. Vào ngày 03/02/2016, giữa bà và ông K có thỏa thuận mua bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi với nhau, cách thanh toán tiền là 4 tháng hoặc 6 tháng hay có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Từ ngày 03/02/2016 đến ngày 27/8/2016, bà bán cho ông K tổng số tiền 18.265.000 đồng; cùng ngày 27/8/2016 ông K có trả cho chồng bà được 10.000.000 đồng còn thiếu lại là 8.265.000 đồng. Sau đó, đến ngày 17/01/2017 ông K mua tiếp nên cộng tổng số tiền là 20.120.000 đồng. Đến ngày 04/02/2017, ông K trả cho bà số tiền là 15.000.000 đồng còn thiếu lại là 5.120.000 đồng; ông K hẹn vài ngày trả nhưng chưa trả. Bà tiếp tục bán cho ông K từ ngày 28/01/2017 đến ngày 08/9/2017, tổng số tiền cũ và mới ông K thiếu là 35.400.000 đồng (trong đó số tiền cũ của ngày 04/02/2017 là 5.120.000 đồng và số tiền mới từ ngày 28/01/2017 đến ngày 08/9/2017 là 30.280.000 đồng). Đối với sổ sách của năm 2016 giữa bà và ông K đã kết sổ thanh toán xong và không còn liên quan.

Bà yêu cầu vợ chồng ông K, bà D phải trả số tiền mua bán cám gạo và thức ăn gia súc còn thiếu là 35.400.000 đồng và một lần dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông thừa nhận có mua cám gạo và thức ăn gia súc của bà T như bà T trình bày, nhưng đối với số tiền mua bán với nhau của năm 2016 thì hai bên đã kết toán nợ với nhau và giao sổ mới nên không có ý kiến gì; ông thừa nhận khi giao sổ mới thì còn thiếu lại bà T là 5.120.000 đồng. Sau đó, từ ngày 28/01/2017 đến ngày 08/9/2017, ông tiếp tục mua thêm với số tiền là 30.280.000 đồng nên tổng số tiền còn thiếu bà T vừa cũ và mới là 35.400.000 đồng. Đồng thời, giữa ông và bà T có đối chiếu sổ sách với nhau của năm 2017 là khớp với nhau về số lượng cám gạo, thức ăn gia súc số tiền là 35.400.000 đồng. Do đó, ông thừa nhận có thiếu bà T 35.400.000 đồng là đúng nhưng vào ngày 28/4/2017 thì ông có trả cho chồng bà T (là ông T) được 10.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu bà T số tiền là 25.400.000 đồng. Hơn nữa, số tiền 10.000.000 đồng thì trả vào tháng 4 năm 2017 chứ không phải trả vào ngày 27/8/2016 như trong sổ bà T ghi là để đối phó vì sổ năm 2016 đã thu lại rồi. Còn số tiền 10.000.000 đồng ông trực tiếp trả cho anh T vào ngày 28/4/2017, ngày hôm đó chỉ có ông và anh T không có ai khác chứng kiến.

Nay ông xác định chỉ còn thiếu bà T số tiền là 25.400.000 đồng, xin được trả dần số tiền còn thiếu mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Bà D là vợ ông K nên thống nhất với lời trình bày của chồng ở trên, còn việc mua bán với bà T thì chỉ có chồng bà giao dịch, nhưng bà xác định chồng bà đem về để chăn nuôi trong gia đình nên bà cũng đồng ý cùng chồng bà trả tiền cho bà T. Khi chồng bà đem 10.000.000 đồng trả cho ông T - chồng bà T thì bà cũng biết.

Nay bà thống nhất với ý kiến của ông K là chỉ còn thiếu bà T 25.400.000 đồng, xin trả dần số tiền còn thiếu mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T trình bày: Trong quá trình giao dịch mua bán cám gạo và thức ăn gia súc với ông K thì ông K có trả tiền tôi chỉ một lần là vào ngày 27/8/2016 số tiền là 10.000.000 đồng, ngoài ra không có trả cho tôi lần nào nữa. Hơn nữa, nếu vào ngày 28/4/2017 mà ông K trả tiền thì phải trả cho vợ tôi, bởi vì ngày đó ông K có lấy 100kg cám nên tôi khẳng định là ngày 28/4/2017 ông K không trả cho tôi.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kiều D.

Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền là 35.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 31/01/2018, ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:**

Ông K không đồng ý về quyết định của Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc trả số tiền 35.400.000 đồng cho bà T mà chỉ đồng ý trả 25.400.000 đồng, xin trả chậm mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ông K cho rằng trong sổ sách của bà T ghi mua thức ăn từ tháng 02/2016 đến 08/2016 số tiền 18.265.000 đồng là không đúng, ông chỉ mua số tiền 8.265.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, vợ chồng ông K thừa nhận có đến cửa hàng của bà T mua cám gạo và thức ăn chăn nuôi, khi mua bà T có ghi sổ sách và giao cho ông K một cuốn để theo dõi việc mua bán, trả tiền. Ông K, bà D thừa nhận nợ bà T 35.400.000 đồng nhưng cho rằng đã trả trực tiếp cho ông T (chồng bà T) 10 triệu đồng vào ngày 28/04/2017. Ông T không thừa nhận có nhận 10 triệu đồng của ông K vào ngày 28/04/2017 mà cho rằng có nhận của ông K 10 triệu đồng vào ngày 27/08/2016 nhưng đã trừ sổ quyết toán xong năm 2016. Sổ mua bán cám gạo do ông K cung cấp thể hiện ngày 28/04/2017 ông K trực tiếp đến cửa hàng của bà T mua 100kg cám có ghi trong sổ nhưng không thể hiện số tiền trả 10 triệu đồng. Ông K không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho ông T số tiền trên nên không có cơ sở xem xét. Tòa án sơ thẩm buộc vợ chồng ông K phải trả nợ cho bà T 35.400.000 đồng là có căn cứ. Việc ông K xin trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng không được bà T đồng ý. Mặt khác, theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/06/1997 của TANDTC, VKSNDTC, BTP, BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản, kháng cáo của ông K không có căn cứ để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Lê Thị T xác định chỉ mua bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi tại nhà với hình thức nhỏ, lẻ, không đăng ký kinh doanh, chỉ nộp thuế môn bài cho Nhà nước. Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự và xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán cám gạo và thức ăn chăn nuôi" là phù hợp quy định tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

Vợ chồng ông K, bà D xác định có mua cám gạo và thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của bà T để sản xuất chăn nuôi trong gia đình trong thời gian năm

2016 và năm 2017, khi mua có trả tiền và có thiếu lại số tiền là 35.400.000 đồng. Tuy nhiên, ông K cho rằng vào ngày 28/4/2017, khi đến mua hàng ông đã trả 10.000.000 đồng cho ông T (chồng bà T) nên chỉ còn thiếu lại số tiền là 25.400.000 đồng.

Về phía bà T cho rằng khi giao dịch mua bán với nhau, bà đều ghi sổ sách rõ ràng, cụ thể về thời gian, số lượng hàng khách mua và số tiền khách trả trong hai cuốn sổ, bà giữ một cuốn, giao cho ông K, bà D một cuốn để theo dõi, khách hàng khi đến mua không đem theo sổ bà sẽ không bán. Bà thừa nhận trong quá trình giao dịch mua bán ông K có trả cho bà 10.000.000 đồng vào ngày 27/8/2016 chứ không phải ngày 28/4/2017. Số tiền này đã được kết sổ nợ của năm 2016. Còn số tiền 35.400.000 đồng ông K còn nợ là của năm 2017.

Ông T (chồng bà T) xác nhận có nhận một lần số tiền 10 triệu đồng từ ông K vào ngày 27/8/2016, đã kết nợ của năm 2016; ngoài ra không nhận 10 triệu đồng nào khác.

Ông K cũng thừa nhận có giữ một cuốn sổ do bà T giao, khi đến mua hàng phải đem theo sổ, bà T sẽ ghi vào sổ thời gian, số lượng hàng, số tiền trả. Trong quá trình mua bán, ông có nhiều lần trả tiền cho bà T nhưng chỉ trả duy nhất một lần số tiền là 10 triệu đồng cho ông T, khi trả tiền này ông có ghi vào sổ của ông giữ.

Hai bên đương sự đều khai thống nhất nhau số nợ 2016 đã kết sổ; sang sổ năm 2017 số nợ cũ chuyển qua là 5.120.000 đồng.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, cho thấy:

Ngày 28/4/2017, ông K trực tiếp đến mua 100 kg cám tại cửa hàng của bà T, trong sổ có ghi số lượng hàng mua nhưng không ghi số tiền trả. Trong cuốn sổ ghi nội dung mua bán do ông K giữ và cung cấp cho Tòa án, tại trang 2 dưới hàng chữ ghi nợ cũ 5.120.000 đồng có ghi nội dung "*Gởi anh T 10.000.000 ngày 28/4*" màu đỏ; ông K xác nhận là ông tự ghi khi trả 10 triệu cho anh T, mà không phải do ông T ghi, cũng không có chữ ký xác nhận của ông T.

Mặt khác, ông K cho rằng số tiền 10 triệu đồng ông trả cho ông T năm 2017 nhưng ông T ghi vào sổ năm 2016 để phó đối với ông là không có căn cứ, bởi vì bản thân ông thừa nhận giữa ông và bà T đã đối chiếu sổ sách của năm 2016 là phù hợp và ông đã tự nguyện giao sổ năm 2016 cho bà T. Hiện nay sổ năm 2016 mà ông giao lại cho bà T thì không còn nhưng bà T vẫn còn lưu sổ gốc của bà, trong sổ thể hiện số tiền 10.000.000 đồng đã trả vào 27/8/2016, phần này đã được bà T trừ vào số tiền nợ mua hàng năm 2016.

Đồng thời, hai bên đương sự đều thống nhất xác định: chỉ giao dịch với nhau duy nhất một lần có số tiền là 10 triệu đồng; sau khi kết sổ nợ năm 2016 thì số nợ cũ chuyển qua 2017 còn là 5.120.000 đồng, điều này phù hợp với cuốn sổ năm 2017 do ông K cung cấp.

Như vậy, ý kiến của ông K yêu cầu được cấn trừ số nợ 10 triệu đồng mà ông trả cho ông T vào ngày 28/04/2017 không được ông T thừa nhận, ông K không chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ nên Tòa cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông K, bà D phải trả số tiền còn thiếu cho bà T 35.400.000 đồng là có cơ sở. Ông K kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên cấp phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của ông về phần này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông K xin trả được dần mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ: Yêu cầu này không được bà T đồng ý. Mặt khác, theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/06/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án".

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D phải nộp số tiền 35.400.000 đồng x 5% = 1.770.000 *(Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn)* đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0000227 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280; Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 147, Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kiều D.

Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền là 35.400.000đ (*Ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Kiều D phải nộp 1.770.000 đồng *(Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).*

- Bà Lê Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 885.000 đồng (*Tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000171 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0000227 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.